

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng,
tỉnh Tây Ninh đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 1021-20230, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045;

Căn cứ Thông báo số 2695-TB/VPTU ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Văn phòng Tỉnh ủy về Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với nội dung của đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045;

Căn cứ Công văn số 7129/BXD-QHKT ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ Xây dựng ý kiến về đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045 (hồ sơ đồ án đã được tiếp thu, giải trình);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3885/TTr-SXD ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc thẩm định, trình phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045 với những nội dung chính như sau đây:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô và thời hạn lập quy hoạch:

- Phạm vi lập quy hoạch là diện tích hành chính, diện tích tự nhiên thị xã Trảng Bàng hiện hữu với 10 đơn vị hành chính (06 phường gồm Trảng Bàng, An Tịnh, An Hòa, Gia Bình, Gia Lộc, Lộc Hưng và các xã Đôn Thuận, Hưng Thuận, Phước Bình, Phước Chỉ) khoảng 34.013,90 ha (theo Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021- 2030 tại Quyết định 3740/QĐ-UBND ngày 30/12/2021):

- Phía Bắc giáp các huyện Gò Dầu, Bến Cầu, Dương Minh Châu;
- Phía Nam giáp huyện Đức Huệ, huyện Đức Hòa thuộc tỉnh Long An;
- Phía Đông giáp huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh và huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương;
- Phía Tây giáp Vương quốc Campuchia.

2. Thời hạn quy hoạch chung đô thị: Đến năm 2045.

3. Mục tiêu và quan điểm quy hoạch

- Cụ thể hoá các định hướng, chiến lược của đô thị Trảng Bàng tại Quy hoạch vùng Đông Nam bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt; cụ

thể mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị, các quan điểm chỉ đạo, định hướng, chiến lược phát triển của tỉnh để đảm bảo thống nhất với các quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt nhằm khai thác, phát huy hiệu quả, tiềm năng, lợi thế của đô thị trong tỉnh và vùng Đông Nam Bộ.

- Quy hoạch để xây dựng, phát triển đô thị Trảng Bàng trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, lịch sử, thương mại, dịch vụ, du lịch; trung tâm công nghiệp đa ngành, dịch vụ logistics có vai trò trọng điểm trong vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội phía Nam tỉnh Tây Ninh với vai trò là thành phố cửa ngõ của tỉnh kết nối các tỉnh thành khác trong vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; là cực tăng trưởng phía Tây Bắc vùng Thành phố Hồ Chí Minh, phát triển bền vững, làm tiền đề phát triển đô thị công nghệ xanh, sinh thái thân thiện với môi trường, đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Kế thừa các nội dung, định hướng còn giá trị của quy hoạch chung phê duyệt tại Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 12/7/2018; phát triển Trảng Bàng trở thành một thành phố sinh thái, đô thị thông minh, phát triển bền vững.

- Làm cơ sở pháp lý để đầu tư phát triển đô thị, lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị và quản lý đầu tư xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng.

4. Tính chất:

- Là thành phố thuộc tỉnh; trung tâm kinh tế, văn hóa, lịch sử, thương mại, dịch vụ, du lịch; trung tâm công nghiệp đa ngành, dịch vụ logistics có vai trò trọng điểm trong vùng động lực phát triển kinh tế xã hội phía Nam của tỉnh;

- Là khu vực đầu mối giao thông quan trọng quốc gia như đường sắt, cao tốc; hành lang Xuyên Á, có vai trò là thành phố cửa ngõ của tỉnh Tây Ninh kết nối tỉnh thành khác trong vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; cực tăng trưởng trọng điểm phía Tây Bắc vùng Thành phố Hồ Chí Minh;

- Là đô thị phát triển bền vững, làm tiền đề phát triển đô thị công nghệ xanh, sinh thái thân thiện với môi trường, đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Là đô thị loại III, thành phố thuộc tỉnh; đến năm 2040 là đô thị loại II.

5. Các dự báo chỉ tiêu phát triển đô thị

a) Quy mô dân số:

- Đến năm 2030: Dân số đô thị khoảng 240.000 người, trong đó dân số khu vực nội thị (07 phường: 06 phường hiện hữu, phân loại mới phường Hưng Thuận) khoảng 160.000; người lao động, khách vãng lai khoảng 30.000 người.

- Đến năm 2045: Dân số đô thị khoảng 450.000 người, trong đó dân số khu vực nội thị khoảng 250.000 người; lao động, khách vãng lai 100.000 người.

b) Quy mô đất đai quy hoạch:

- Đến năm 2030, diện tích đất khu dân dụng khoảng 2.100 ha, đất ngoài dân dụng 12.900 ha, đất khác (nông nghiệp, chức năng khác) là 19.013,90 ha.

- Đến năm 2045, diện tích đất khu dân dụng được dự báo tính toán quy hoạch khoảng 2.400 ha, đất ngoài khu dân dụng diện tích khoảng 22.600 ha, các loại đất khác (nông nghiệp, chức năng khác) diện tích khoảng 9.013,90 ha.

6. Quy hoạch sử dụng đất đai và các chức năng sử dụng đất của đô thị

a) Đến năm 2030: Diện tích đất khu dân dụng khoảng 2.100 ha, chiếm tỷ lệ 6,17 % diện tích đất của đô thị (gồm đất đơn vị ở, công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị, cây xanh sử dụng công cộng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật khác) được quy hoạch, tính toán xác định tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy định hiện hành (chi tiết tại thuyết minh, bản vẽ kèm theo); đất ngoài khu dân dụng xác định khoảng 12.900 ha, chiếm 37,93% diện tích đô thị; các loại đất khác của đô thị (sông, suối, kênh rạch, nông nghiệp, đất dự trữ, chưa sử dụng) khoảng 19.013,90 ha, chiếm 55,90 % diện tích đô thị.

b) Đến năm 2045: Diện tích đất khu dân dụng khoảng 2.400 ha, chiếm tỷ lệ 7,06 % diện tích đất của đô thị (gồm đất đơn vị ở, công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị, cây xanh sử dụng công cộng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật khác) được quy hoạch, tính toán xác định tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy định hiện hành (chi tiết tại thuyết minh, bản vẽ kèm theo); đất ngoài khu dân dụng xác định khoảng 22.600 ha, chiếm 66,44% diện tích đô thị (phần lớn do chuyển đổi chức năng sử dụng đất tại các xã thuộc khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài; phát triển khu công nghiệp tại Hưng Thuận, ...); và các loại đất khác của đô thị (sông, suối, kênh rạch, nông nghiệp, đất dự trữ, chưa sử dụng) khoảng 9.013,90 ha, chiếm 26,50 % diện tích đô thị Trảng Bàng.

Quy hoạch sử dụng đất đai và các chức năng sử dụng đất đô thị đối với khu vực nội thị hiện hữu, khu vực phát triển mới (Hưng Thuận) tại thuyết minh.

c) Đồ án quy hoạch đã xác định phạm vi, quy mô khu vực chức năng đô thị (khu hiện có, hạn chế phát triển; khu chỉnh trang, cải tạo, khu bảo tồn, tôn tạo; khu chuyển đổi chức năng; khu phát triển mới; khu cấm xây dựng; dự trữ).

7. Tầm nhìn, chiến lược phát triển đô thị, cấu trúc đô thị: Thuyết minh.

8. Định hướng phát triển không gian

8.1. Không gian tổng thể (theo thuyết minh).

8.2. Định hướng khu vực nội thị, ngoại thị

- Đến năm 2030, thị xã Trảng Bàng là đô thị loại III phân loại thành phố thuộc tỉnh (nội thị được mở rộng thành 07 phường gồm Trảng Bàng, An Tịnh,

An Hòa, Gia Bình, Gia Lộc, Lộc Hưng và thành lập mới phường Hưng Thuận và ngoại thị là các xã còn lại Đôn Thuận, Phước Bình, Phước Chỉ); được đầu tư xây dựng, phấn đấu phát triển hướng đến đạt tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại II.

- Đến năm 2040-2045, thành phố Trảng Bàng được phân loại đô thị loại II (nội thị gồm 07 phường Trảng Bàng, An Tịnh, An Hòa, Gia Bình, Gia Lộc, Lộc Hưng và Hưng Thuận; ngoại thị là các xã còn lại Đôn Thuận, Phước Bình, Phước Chỉ và dự kiến phát triển mới phường Phước Bình, Phước Chỉ theo Quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài được duyệt khi đảm bảo điều kiện).

8.3. Định hướng phát triển các phân khu chức năng đô thị:

- Phân khu 1 - Trảng Bàng: Diện tích 673,64 ha; dân số 30.000 người.

Tính chất, chức năng: Là phường trung tâm, trung tâm hành chính - chính trị với đầy đủ các chức năng của đô thị loại III hướng đến tiêu chuẩn đô thị loại II (giai đoạn đến năm 2040) gồm trung tâm thương mại, dịch vụ, tài chính, ngân hàng; tập trung chỉnh trang các nhóm ở truyền thống, phát triển nhóm ở mới mật độ trung bình, đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cây xanh, nhà ở trên cơ sở bảo vệ cảnh quan, duy trì đất nông nghiệp dự trữ khi lập quy hoạch phân khu; đầu tư, nâng cấp hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

- Phân khu 2 - An Tịnh: Diện tích 3.329,4 ha; dân số 64.300 người.

Tính chất, chức năng: Là phường thuộc đô thị, khu vực được quy hoạch phân khu để đầu tư, xây dựng, phát triển đảm bảo các chức năng của đô thị, khu vực có tỷ lệ công trình dịch vụ, cây xanh cao để đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn phục vụ các khu công nghiệp; được rà soát, chỉnh trang, nâng cấp chức năng công cộng – thương mại, công viên cây xanh, thể dục thể thao đơn vị ở đảm bảo phục vụ yêu cầu công nghiệp trong khu vực; tập trung chỉnh trang các nhóm ở truyền thống, phát triển nhóm ở mới mật độ trung bình, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cây xanh, nhà ở trên cơ sở bảo vệ cảnh quan, duy trì đất nông nghiệp dự trữ; đầu tư, nâng cấp hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đô thị loại III và hướng đến tiêu chuẩn đô thị loại II.

- Phân khu 3 - An Hòa: Diện tích 3.023,00 ha; dân số 39.000 người.

Tính chất, chức năng: Là phường thuộc đô thị, khu vực được quy hoạch phân khu để đầu tư, xây dựng, phát triển đảm bảo các chức năng của đô thị, khu vực có tỷ lệ công trình dịch vụ, cây xanh cao để đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn phục vụ các khu công nghiệp; được rà soát, chỉnh trang, nâng cấp chức năng công cộng – thương mại, công viên cây xanh, thể dục thể thao đơn vị ở để đảm bảo, đáp ứng phục vụ yêu cầu công nghiệp trong khu; tập trung chỉnh trang các nhóm ở truyền thống, phát triển nhóm ở mới mật độ trung bình, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cây xanh, nhà ở trên cơ sở bảo vệ cảnh quan, duy trì đất

nông nghiệp dự trữ; đầu tư, nâng cấp hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đô thị loại III và hướng đến tiêu chuẩn đô thị loại II.

- Phân khu 4 - Gia Bình: Diện tích 1.200,71 ha; dân số 21.600 người.

Tính chất, chức năng: Là phường thuộc đô thị, khu vực được quy hoạch phân khu để đầu tư, xây dựng, phát triển đảm bảo các chức năng của đô thị, cho dân cư với các khu ở tập trung, mật độ ở thấp; là khu trung tâm dịch vụ thương mại đầu mối giao thông, công viên cây xanh; khu vực được rà soát, chỉnh trang, nâng cấp chức năng công cộng – thương mại, công viên cây xanh, thể dục thể thao đơn vị ở đảm bảo quy định, yêu cầu; tập trung chỉnh trang các nhóm ở truyền thống, phát triển nhóm ở mới mật độ trung bình, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cây xanh, nhà ở trên cơ sở bảo vệ cảnh quan, duy trì đất nông nghiệp dự trữ và làng nghề truyền thống; đầu tư, nâng cấp hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đô thị loại III hướng đến tiêu chuẩn đô thị loại II.

- Phân khu 5 - Gia Lộc: Diện tích 2.715,93 ha; dân số 32.600 người.

Tính chất, chức năng: Là phường thuộc đô thị, khu vực được quy hoạch phân khu để đầu tư, xây dựng, phát triển đảm bảo các chức năng của đô thị, cho dân cư với các khu ở tập trung, mật độ ở thấp kết hợp phát triển nông nghiệp; khu vực quy hoạch, phát triển thương mại dịch vụ tại các đầu mối giao thông, phát triển hạ tầng xã hội cấp đô thị (bệnh viện, trường); khu vực được rà soát, chỉnh trang, nâng cấp chức năng công cộng – thương mại, công viên cây xanh, thể dục thể thao đơn vị ở đảm bảo quy định, yêu cầu; tập trung chỉnh trang các nhóm ở truyền thống, phát triển nhóm ở mới mật độ trung bình, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cây xanh, nhà ở trên cơ sở bảo vệ cảnh quan, duy trì đất nông nghiệp dự trữ và làng nghề; nâng cấp hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đô thị loại III và hướng đến đạt tiêu chuẩn đô thị loại II.

- Phân khu 6 - Lộc Hưng: Diện tích 4.515,15 ha; dân số 40.800 người.

Tính chất, chức năng: Là phường thuộc đô thị, khu vực được quy hoạch phân khu để đầu tư, xây dựng, phát triển đảm bảo các chức năng đô thị, cho dân cư với các khu ở tập trung, mật độ ở thấp kết hợp phát triển nông nghiệp; khu vực quy hoạch, chỉnh trang, nâng cấp chức năng công cộng – thương mại, công viên cây xanh, thể dục thể thao đơn vị ở đảm bảo quy định, yêu cầu; tập trung chỉnh trang các nhóm ở truyền thống, phát triển nhóm ở mới mật độ trung bình, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cây xanh, nhà ở trên cơ sở bảo vệ cảnh quan, duy trì đất nông nghiệp dự trữ và các làng nghề truyền thống, vườn rau đặc sản; khu vực được đầu tư, nâng cấp hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đô thị loại III hướng đến đạt tiêu chuẩn đô thị loại II.

- Phân khu 7 – Hưng Thuận: Diện tích 4.415,13 ha; dân số 21.700 người. Tính chất, chức năng: Là khu vực đô thị mới (xã được nâng cấp thành

phường) được lập quy hoạch phân khu để đầu tư, xây dựng, phát triển đảm bảo các chức năng đô thị, cho dân cư với các khu ở tập trung, mật độ ở thấp kết hợp phát triển nông nghiệp và khu công nghiệp (hình thành mới) đáp ứng đầy đủ chức năng cho dân cư, dịch vụ, cây xanh theo tiêu chuẩn, đảm bảo yêu cầu phát triển công nghiệp, dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch; tập trung chỉnh trang các nhóm ở truyền thống, phát triển nhóm ở mới mật độ trung bình, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cây xanh, nhà ở trên cơ sở bảo vệ cảnh quan, duy trì đất nông nghiệp dự trữ và các làng nghề truyền thống, vườn rau đặc sản, khu ở mang đậm bản sắc; khu vực được đầu tư, nâng cấp hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đạt tiêu chuẩn đô thị loại III hướng đến đạt tiêu chuẩn đô thị loại II.

8.4. Định hướng phát triển khu vực nông thôn

- **Phân khu 8 - Đôn Thuận:** Diện tích 5.857,13 ha; dân số 106.000 người. Là khu vực nông thôn được quy hoạch, xây dựng đầy đủ chức năng với tỷ lệ dịch vụ, cây xanh cao đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn phục vụ công nghiệp; quy hoạch, chỉnh trang các điểm dân cư nông thôn theo hướng mật độ ở thấp, các khu vực phát triển dự án nhà ở (khi đủ điều kiện) được quy hoạch theo tiêu chuẩn nông thôn hướng đến tiêu chuẩn đô thị loại III (đất ở áp dụng chỉ tiêu như khu vực nội thị); tập trung rà soát, chỉnh trang, nâng cấp chức năng công cộng – thương mại, công viên cây xanh, thể dục thể thao đơn vị ở đạt tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao; duy trì đất nông nghiệp dự trữ và các làng nghề.

- **Phân khu 9 – Phước Bình** (diện tích 3.465,85 ha; dân số 51.200 người) và **Phân khu 10 – Phước Chỉ** (diện tích 4.817,96 ha, dân số 42.800 người): Là khu vực nông thôn đặc thù (hướng đến nâng cấp đô thị theo Quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài); khu vực được quy hoạch, xây dựng đầy đủ các chức năng, đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn phục vụ phát triển công trình công cộng, thương mại dịch vụ, cửa khẩu, dịch vụ du lịch sinh thái, khu công nghiệp, sản xuất nông nghiệp; chỉnh trang dân cư hiện hữu; xây mới công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, khu ở phục vụ khu công nghiệp, phát triển không gian theo quy hoạch xây dựng khu kinh tế.

8.5. Định hướng phát triển khu trung tâm, công viên, không gian mở: Duy trì và bảo tồn tối đa cảnh quan cây xanh, mặt nước hiện có. Khai thác hệ thống mặt nước tự nhiên để liên kết các không gian xây dựng đô thị khi thiết kế các dự án thành phần tạo điểm nhấn đặc sắc cho toàn khu vực. Thiết lập hệ thống công viên trong các khu ở kết hợp với hệ thống cây xanh vườn hoa nhằm tạo nên các không gian xanh theo chuyên đề tạo thành những khu phố đặc trưng khác nhau; không gian mở cung cấp cho dân cư nhiều môi trường ngoài trời.

8.6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế xã hội

a) Du lịch, thương mại dịch vụ: Khai thác điều kiện tự nhiên, cảnh quan ven sông, văn hóa truyền thống của địa phương, tạo ra nhiều sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch ẩm thực, mang dấu ấn riêng; phát triển các công trình thương mại dịch vụ tại các khu vực mới, khu vực đầu mối giao thông kết nối vùng.

b) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo môi trường thu hút lao động đồng bộ với phát triển công nghiệp trên địa bàn theo quy hoạch tỉnh (khi đủ điều kiện), quy hoạch chung khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài (là Phước Bình, Phước Chi); có kế hoạch di dời cơ sở sản xuất tại khu vực dân cư có nguy cơ gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn để đảm bảo kiểm soát chất lượng môi trường.

c) Nông nghiệp: Cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch mạnh mẽ khi đô thị hóa, cần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu theo hướng trồng rau rừng, rau màu (tại các phường Gia Lộc, Lộc Hưng, Hưng Thuận, xã Đôn Thuận), phát triển nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái.

9. Thiết kế đô thị: Theo thuyết minh, bản vẽ và quy định quản lý kèm theo.

10. Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

a) Định hướng quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Mộc Bài, quy mô 4 - 6 làn xe; Quốc lộ 22, cấp II - I, quy mô 4 - 6 làn xe; đường Hồ Chí Minh, cấp III, nâng cấp thành cao tốc, quy mô 4-6 làn xe; Quốc lộ 14C, cấp II.

+ Đường DT 782: Lộ giới 60 m.

+ Đường DT 787: Quy mô 4-6 làn xe, lộ giới 45m.

+ Đường DT 787B (qua đô thị) dài 2,8km, lộ giới 45m.

+ Đường DT 789 (qua đô thị) dài 27,0 km, đường cấp III, lộ giới 45m.

+ Đường sắt: Theo quy hoạch quốc gia, cập nhật ga đường sắt tại thị xã (1 trong 5 ga trên địa bàn tỉnh: tại Trảng Bàng, Mộc Bài, Gò Dầu, TP. Tây Ninh, Xa Mát) thuộc đường sắt TP.HCM – Mộc Bài, TP.HCM – Xa Mát).

- Giao thông đô thị:

+ Đường trục chính (nâng cấp QL 22, DT 782, DT 787B đạt tiêu chuẩn đường chính đô thị, quy mô mặt cắt ngang 35-60m); các đường khu vực, phân khu vực: các đường này có mặt cắt 20,5-30m, gồm các đường trong mỗi khu nhà ở, khu công nghiệp, khu chức năng cấp khu vực.

+ Đường nội bộ: Mặt cắt ngang đường < 20m, vỉa hè hơn 3m.

- Giao thông công cộng, giao thông tĩnh, bãi đỗ xe đảm bảo chỉ tiêu.

b) Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật, cao độ nền:

- Khu vực phường Trảng Bàng cao độ xây dựng phù hợp cao độ nền dân cư, các khu đô thị, dự án xây mới tôn nền phải trên cao độ ngập lụt ($H \geq 2,6m$).

- Khu vực thấp của thị xã (xã cánh Tây, khu công nghiệp và khu tái định cư Thành Thành Công: Cao độ san nền theo cao độ xây dựng hiện trạng ($\geq 2,0m$) Khi triển khai quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết cần tính toán cụ thể lưu lượng nước mưa, có giải pháp thoát nước phù hợp như: Trạm bơm, hồ điều hòa và quy định mật độ xây dựng hợp lý nhằm tăng cường khả năng thấm thấu. Khu vực dân cư nông thôn, vùng trũng thấp hạn chế tôn nền, cao độ $H_{xd} \geq 2,0m$.

c) Định hướng quy hoạch thoát nước mặt:

- Hướng thoát nước chính ra sông Vàm Cỏ Đông, sông Sài Gòn, rạch Trảng Chùa, rạch Tràm. Nước mưa thoát trực tiếp ra kênh, mương nội đồng, phần lớn lưu vực thoát nước vào sông Vàm Cỏ Đông, từ Đông Bắc xuống Tây Nam; chia thành 3 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1: Phước Bình, Phước Chỉ, vùng phía Tây, hệ thống thoát nước cải tạo từ kênh mương, cống hiện hữu xây mới, thoát ra phía Tây Nam.

+ Lưu vực 2: Hưng Thuận (đã xây dựng mạng lưới thu gom), nước thoát ra rạch Trảng Chùa, suối Ba Nàng, kênh tiêu nội đồng, sông Vàm Cỏ Đông.

+ Lưu vực 3: Đôn Thuận, Phước Đông Bời Lời, khu vực phía Đông Bắc thị xã, nước mưa thoát theo các kênh rạch suối nhỏ rồi đổ ra sông Sài Gòn.

d) Định hướng quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Khu vực được cấp điện từ các trạm biến áp TBA 110kV KCN Trảng Bàng, TBA 110kV Trảng Bàng, TBA 110kV An Hòa, TBA 110kV Phước Đông Bời Lời, TBA 110kV Bến Cầu,...

- Lưới điện cao thế, trung thế: Nâng cấp, xây dựng các tuyến điện cao thế, trung thế đảm bảo cung cấp điện cho nhu cầu trên địa bàn; các tuyến hiện trạng được hạ ngầm; lưới điện 22kV thiết kế tuân thủ nguyên tắc xây dựng mạng vòng kín vận hành hở. Trong chế độ làm việc bình thường, khả năng tải không vượt quá 70% công suất đảm bảo dự phòng vận hành.

- Lưới hạ thế: Mạng lưới 0,4kV hiện có giữ nguyên để cung cấp điện cho khu vực dân cư hiện hữu. Các tuyến 0,4kV có tiết diện nhỏ, không đảm bảo tải sẽ cải tạo nâng cấp tiết diện đảm bảo cung cấp điện. Trên cơ sở các trạm lưới hiện có và các trạm xây dựng mới bố trí các tuyến 0,4kV phù hợp nhu cầu, đảm bảo bán kính phục vụ $\leq 500m$ tránh độ sụt áp cuối đường dây quá định mức cho phép. Các phụ tải loại 1 và hộ tiêu thụ đặc biệt được cấp điện từ hai trạm biến áp 22/0,4kV. Khu đô thị mới đầu tư đồng bộ, lưới điện hạ thế phải đi ngầm; vùng ngoại thị hoặc khu chưa ổn định về quy hoạch có thể đi nổi bằng cáp vận xoắn. Trong các khu dân cư, đô thị xây mới nên sử dụng trạm kín kiểu xây hoặc hợp

bộ để đảm bảo mỹ quan đô thị. Quy mô chiếm đất các trạm trong khoảng 20-40m² đặt tại các vị trí cây xanh và TẠI các công trình có phụ tải lớn.

- Chiều sáng: Xác định khung phát triển cho chiều sáng đô thị phù hợp với quy hoạch kiến trúc cảnh quan, tạo lập tiền đề, gợi ý giải pháp thiết kế cho quy hoạch chiều sáng chuyên ngành hoặc dự án đầu tư. Tất cả các trục đường có mặt cắt $\geq 3,5\text{m}$ đều được chiếu sáng. Các trục đường trung tâm của khu phức hợp xây dựng mới tuyến chiếu sáng bố trí di ngầm dùng cáp có lớp cách điện XLPE. Tuyến chiếu sáng trong khu dân cư bố trí di nổi kết hợp với tuyến điện 0,4kv cấp điện cho sinh hoạt. Các thiết bị chiếu sáng dùng loại hiện đại tiết kiệm điện năng. Lưới chiếu sáng phải đảm bảo độ rọi theo quy chuẩn quy định.

đ) Định hướng quy hoạch hạ tầng thông tin liên lạc: Theo thuyết minh.

e) Định hướng quy hoạch cấp nước:

- Nhu cầu đến năm 2030: 150.000 m³/ng.d, đến 2045: 248.000m³/ng.d.

- Nguồn cấp từ hồ Dầu Tiếng và sông Vàm Cỏ Đông là nguồn nước chính. Các trạm cấp nước hiện trạng sẽ chuyển thành trạm bơm tăng áp.

- Nhà máy nước: Xây dựng mới nhà máy nước Phước Đông (công suất đến năm 2030 là 60.000m³/ng.d), nhà máy nước Trảng Bàng (công suất đến năm 2030 là 100.000m³/ng.d); trạm bơm tăng áp Phước Chỉ là 10.000m³/ng.d.

- Mạng lưới cấp nước: sử dụng mạng lưới ống cấp nước hiện có; phát triển mạng lưới ống phân phối chính kết nối mạch vòng các khu vực và khu đô thị mới. Mạng lưới cấp nước chính có đường kính ống D100 mm ÷ D700 mm.

- Cách ly bảo vệ nguồn nước (suối, kênh, mương, rạch: nguồn cấp nước, trục tiêu nước hoặc bị sạt lở hoặc có nguy cơ bị sạt lở hoặc là trục tiêu, thoát nước cho các đô thị, khu dân cư tập trung hoặc bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt, cần cải tạo, phục hồi hoặc có tầm quan trọng đối với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường của thị xã): quy định hành lang bảo vệ nguồn nước phải tuân thủ Điều 23 Luật Tài nguyên nước, quy định hành lang bảo vệ nguồn nước tại Chương III Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định phạm vi quy hoạch dây cây xanh cách ly bảo vệ nguồn nước tại bản vẽ; đối với khu vực thực hiện dự án thì được xác định cụ thể tại quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.

- Khoảng cách ly, bảo vệ nhà máy nước và công trình cấp, thoát nước đô thị tuân thủ quy định có liên quan, tiêu chuẩn hiện hành, QCVN 01:2021/BXD.

- Cấp nước chữa cháy: quy hoạch, tính toán tuân thủ quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn cháy hiện hành.

g) Định hướng quy hoạch thu gom và xử lý nước thải:

Dự báo tổng lưu lượng nước thải đến năm 2045 là $Q = 198.400 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

- Thoát nước thải:

+ Nhu cầu đến năm 2030: $138.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, năm 2045: $230.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

+ Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải với công suất trạm đến năm 2030 khoảng $138.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, đến năm 2045 công suất trạm khoảng $230.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

+ Khu vực đô thị mới, khu công nghiệp xây dựng hệ thống thoát nước riêng; khu vực hiện trạng đang sử dụng hệ thống thoát nước chung sẽ chuyển đổi thoát nước riêng. Nước thải tự chảy theo các tuyến cống đường phố về trạm xử lý tập trung; chiều sâu chôn cống tối thiểu 0,5m, tối đa 5m tính tới đỉnh cống. Tại các vị trí có độ sâu chôn cống lớn $>5\text{m}$, đặt trạm bơm chuyển tiếp.

+ Nước thải sinh hoạt: Tổ chức tách biệt giữa nước mưa và nước thải. Khu vực hiện trạng tiếp tục xử lý nước thải cục bộ tại hộ gia đình (bể tự hoại). Xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom tập trung về các trạm xử lý nước thải.

+ Hệ thống đường cống thoát nước gồm các cỡ đường kính D300, D600 bằng BTCT, độ dốc tối thiểu $i=1/100$; đường ống áp lực dùng ống HDPE, tuyến ống áp lực bố trí 2 ống đi song song; các ống áp lực sử dụng trong khu vực có đường kính D100-D250; đường ống áp lực chôn sâu 1m.

+ Nước thải sản xuất, tiểu thủ công nghiệp: các nhà máy phải có công trình xử lý nước thải cục bộ trong nhà máy để làm sạch nước đến cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

+ Nước thải y tế phải được xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT.

- Chất thải rắn: khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khu vực đô thị Trảng Bàng đến năm 2035 khoảng 198 (tấn/ngày); đến năm 2045 khoảng 450 (tấn/ngày). Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được tổ chức thu gom, phân loại tại nguồn và đổ rác đúng theo quy định. Chất thải rắn đô thị được phân loại tại nguồn và thu gom tập trung. Mỗi phường xây dựng 01 điểm trung chuyển chất thải rắn, quy mô mỗi điểm trung chuyển từ $200-500 \text{ m}^2$. Chất thải rắn tập trung tại trạm trung chuyển thu gom về 2 khu xử lý của tỉnh tại xã Tân Hưng huyện Tân Châu và khu xử lý tại Thạnh Đức – huyện Gò Dầu.

- Nghĩa trang: Khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly, đóng cửa các nghĩa trang hiện trạng nằm trong ranh giới đô thị, các nghĩa trang nằm gần khu dân dụng (không đảm bảo khoảng cách tối thiểu $>500\text{m}$ đối với nghĩa trang có hệ thống thu gom nước thải từ hầm mộ). Có kế hoạch thu hồi, giải tỏa khi có nhu cầu sử dụng đất. Các mộ khi giải tỏa chuyển về nghĩa trang tập trung của thị xã.

Xây dựng nghĩa trang tập trung tại phường Gia Lộc quy mô 18ha gồm

1,0 ha nhà tang lễ phục vụ toàn thị xã; nghĩa trang đô thị Phước Đông Bời Lời và xã Đôn Thuận 15ha; xây dựng 01 nghĩa trang phục vụ liên đô thị quy mô 47-50ha tại Phước Chỉ. Khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng.

11. Định hướng quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật ngầm tại các khu vực đô thị mới (khi đáp ứng điều kiện đảm bảo quy định về an toàn, hệ số sử dụng đất tại quy hoạch phân khu, tuân thủ quy định hiện hành có liên quan).

12. Giải pháp bảo vệ môi trường: Theo thuyết minh.

13. Kế hoạch, dự án ưu tiên đầu tư *(theo nguyên tắc hoàn thiện đồng bộ hệ thống công cụ quản lý về quy hoạch, phát triển đô thị đạt mục tiêu; phù hợp quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết; triển khai đạt yêu cầu kế hoạch thực hiện quy hoạch và chương trình phát triển đô thị; triển khai dự án đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đạt tiêu chuẩn đô thị; kêu gọi đầu tư các khu công nghiệp, khu đô thị mới, khu tái định cư, nhà ở xã hội, công trình thương mại dịch vụ đô thị; nâng cấp, cải tạo, xây dựng hệ thống trụ sở cơ quan hành chính (nghiên cứu phát triển mới), công trình giáo dục, y tế, công viên; đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đầu mối, giao thông (nâng cấp mở rộng đường chính đô thị, đường nội thị, giao thông nông thôn); hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải, nâng cấp, xây mới hệ thống thoát nước)*:

- Giai đoạn 2024 - 2025: Hoàn thiện hệ thống công cụ quản lý, triển khai: Kế hoạch thực hiện đồ án quy hoạch được duyệt; Kế hoạch rà soát, điều chỉnh, lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết (khu vực theo yêu cầu quản lý, nhu cầu đầu tư; khu vực dự kiến phát triển khu đô thị mới, đơn vị ở mới; khu vực quy hoạch đất hỗn hợp), quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xã làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng, yêu cầu quản lý theo quy định; đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng khung, hệ thống giao thông chính và các nút giao.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Đầu tư, nâng cao chất lượng đô thị bao gồm:

+ Rà soát đánh giá hiện trạng sử dụng đất; đầu tư hoàn thiện giao thông chính kết nối không gian công cộng, dịch vụ công cộng khu vực trung tâm hiện hữu; đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông khung để kết nối đồng bộ không gian đô thị; đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội cấp đô thị theo tiêu chí đô thị loại III (sau khi được công nhận) và hướng tới đạt tiêu chuẩn đô thị loại II (làm tiền đề hoàn thiện điều kiện công nhận đô thị loại II); hoàn thiện các quy hoạch, kêu gọi đầu tư thương mại dịch vụ (trung tâm thương mại, siêu thị).

+ Đầu tư, nâng cao chất lượng đô thị và môi trường đô thị: Chính trang các khu hiện hữu, khu công cộng, công viên vườn hoa cây xanh; cải tạo hệ thống thoát nước mưa; xây dựng tuyến cống dẫn chính đảm bảo thu, thoát nước; đầu tư đồng bộ hệ thống thoát nước các trục đường; cải tạo, nâng cấp các tuyến thoát nước, hoàn thiện hệ thống thoát nước hiện hữu; lập kế hoạch cải tạo ngầm hóa

hệ thống lưới điện một số tuyến đường trung tâm, khu dân cư, khu đô thị.

- Giai đoạn 2031 - 2045: Hoàn thiện định hướng đầu tư, kết nối đồng bộ, hoàn thiện không gian đô thị; đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông đô thị.

14. Ban hành kèm theo là Quy định quản lý Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng

- Hoàn thiện hồ sơ, thuyết minh, bản vẽ và Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045 kèm theo Quyết định này và tổ chức công bố công khai, lưu giữ hồ sơ, thuyết minh, bản vẽ, quy định quản lý đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045 được phê duyệt theo đúng quy định.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính pháp lý của hệ thống số liệu, tài liệu sử dụng lập quy hoạch, số liệu hiện trạng quản lý sử dụng đất đai; nội dung, định hướng điều chỉnh quy hoạch thể hiện tại thuyết minh, bản vẽ bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật và không hợp thức sai phạm (nếu có); đảm bảo việc lập quy hoạch công khai, minh bạch, khả thi, hài hòa lợi ích quốc gia, cộng đồng và doanh nghiệp (nếu có); việc quản lý, triển khai thực hiện đồ án quy hoạch được phê duyệt phải đảm bảo mục tiêu, tính chất, chỉ tiêu quy hoạch, tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý sử dụng đất đai, quy định liên quan.

- Xây dựng kế hoạch triển khai và triển khai thực hiện đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045 đảm bảo đồng bộ, hiệu quả; đảm bảo quốc phòng, an ninh và biến đổi khí hậu; đảm bảo tuân thủ đồng thời các quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, nhà ở, xây dựng, quy hoạch; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, phát triển bền vững kinh tế - xã hội, không dễ xảy ra chồng chéo trong quá trình thực hiện; đầu tư đảm bảo đáp ứng yêu cầu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cây xanh, công viên trên cơ sở gìn giữ cảnh quan môi trường, hài hòa; đảm bảo sự đồng thuận của dân cư.

- Tổ chức lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch chuyên ngành căn cứ đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045. Việc lập, điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch, kế hoạch khác có liên quan trên địa bàn phải đảm bảo khách quan, minh bạch, phù hợp chức năng phát triển của từng khu vực đã định hướng tại đồ án điều chỉnh quy hoạch chung được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật liên quan.

- Tập trung rà soát và đề xuất xử lý các nội dung chưa phù hợp quy hoạch

đô thị (nếu có) theo quy định pháp luật về quy hoạch, đô thị, đầu tư, đất đai, nhà ở, môi trường, tài nguyên, xây dựng, quy định pháp luật có liên quan và kết luận thanh tra, kiểm tra của cấp có thẩm quyền, đảm bảo không hợp thức hóa vi phạm (nếu có).

- Khi nghiên cứu triển khai dự án đầu tư phải đảm bảo tuân thủ quy định về hành lang bảo vệ suối, kênh, rạch hiện có theo quy định, các tác động đến kinh tế - xã hội, cảnh quan môi trường, tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, sạt lở; bảo đảm an ninh, quốc phòng.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về việc thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045; lưu trữ và lưu giữ hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung được phê duyệt theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải chịu trách nhiệm nội dung quy hoạch thuộc lĩnh vực chuyên ngành tại đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045 bảo đảm đồng bộ, tuân thủ theo Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt và các quy định khác có liên quan.

4. Các sở, ngành và địa phương có liên quan căn cứ nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045 được duyệt để phối hợp triển khai; rà soát, điều chỉnh, lập và thực hiện các quy hoạch khác có liên quan đảm bảo đồng bộ, thống nhất và tuân thủ các quy định.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.TU; TT.HĐND;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- LDVP, phòng KT;
- Trung tâm công báo tin học;
- Lưu: VT,

14.03.2024 12.19

12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng